

Số: /KH-SNN

Tây Ninh, ngày tháng năm 2023

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Quyết định số 2151/QĐ-BNN-VP ngày 15/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 26/01/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Tây Ninh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 03/9/2020 của UBND tỉnh ban hành Đề án Xây dựng Chính quyền số tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030;

Thực hiện Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của UBND tỉnh ban hành Chương trình chuyển đổi số tỉnh Tây Ninh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 (sửa đổi, bổ sung).

Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Sở đã nghiêm túc triển khai Quyết định số 2151/QĐ-BNN-VP ngày 15/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2022-2025, Quyết định số 1887/QĐ-BNN-VP ngày 11/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Kế hoạch chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2023; Kế hoạch số 146-KH/TU ngày 30/3/2023 của Tỉnh ủy chuyển đổi số tỉnh Tây Ninh năm 2023; Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng tỉnh Tây Ninh năm 2023 và các văn bản chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông về chuyển đổi số đến toàn thể công chức, viên chức của các phòng, cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay.

Căn cứ Căn cứ Quyết định số 2151/QĐ-BNN-VP, Nghị quyết số 02-NQ/TU, Quyết định số 1920/QĐ-UBND, Quyết định số 1112/QĐ-UBND, Quyết định số 404/QĐ-UBND, Sở đã triển khai và ban hành Kế hoạch số 1229/KH-SNN ngày 28/3/2023 chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động của Sở Nông nghiệp và PTNT năm 2023.

2. Về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Ngành

Sở Nông nghiệp và PTNT đã sử dụng và tăng cường thực hiện có hiệu quả các phần mềm được triển khai, đảm bảo an toàn thông tin cụ thể:

- Ứng dụng công nghệ thông tin cập nhật thông tin hoạt động qua các phần mềm, ứng dụng, hệ thống của Trung ương và UBND tỉnh, cụ thể: phần mềm giám sát đánh giá tái cơ cấu ngành Nông nghiệp và PTNT, hệ thống cập nhật số liệu ngành Nông nghiệp của Bộ Nông nghiệp và PTNT; phần mềm phòng trừ dịch hại PPDMS 2.0 do Cục Bảo vệ thực vật quản lý; phần mềm kinh tế xã hội của tỉnh Tây Ninh, phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh; phần mềm giám sát đánh giá chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững; hệ thống theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp của Tổng cục Lâm nghiệp.

- Tăng cường thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) trên hệ thống Một cửa điện tử; thường xuyên rà soát, trình UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố danh mục, quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết TTHC của ngành Nông nghiệp và PTNT đối với các thủ tục sửa đổi, bổ sung và công bố mới; đồng thời, triển khai thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ TTHC qua Dịch vụ công trực tuyến và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích đối với một số TTHC thuộc thẩm quyền của Sở.

- Tăng cường thực hiện và khai thác cổng Hỏi đáp trực tuyến, hệ thống thông tin tiếp nhận phản ánh 1022 của tỉnh để trả lời những thông tin hữu ích cho người dân, các tổ chức được nhanh chóng kịp thời đảm bảo đúng thời gian quy định.

- Ứng dụng phần mềm Văn phòng điện tử eGov trong công tác chỉ đạo điều hành, giải quyết công việc, xử lý văn bản của Sở và các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở; 100% sử dụng ký chữ ký số trong phát hành văn bản đi tại Sở và các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở; 100% văn bản đi, đến đều được xử lý trên môi trường mạng.

3. Kết quả chuyển đổi số trên một số lĩnh vực

3.1. Về ứng dụng khoa học công nghệ và hỗ trợ phát triển sản xuất trong quá trình tái cơ cấu ngành Nông nghiệp giúp nâng cao năng suất, giá trị gia tăng cho sản phẩm nông nghiệp, tổ chức sản xuất được đổi mới hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững và đạt được nhiều kết quả như sau:

- *Lĩnh vực trồng trọt:*

- + Hỗ trợ cài đặt phần mềm cho 247 cơ sở sản xuất cây ăn quả với tổng diện tích là 1.728,01 ha. Tổ chức 660 buổi tập huấn cho các cơ sở sản xuất (02 – 03 buổi/cơ sở sản xuất) về phương pháp sử dụng, cách đăng nhập dữ liệu đầu vào, định vị vùng trồng bằng GPS. Toàn tỉnh có 24 loại cây ăn quả đăng ký thực hiện

phần mềm Kipus; hỗ trợ 10 cơ sở sản xuất đã ứng dụng phần mềm Kipus in 130.500 tem truy xuất nguồn gốc cho 05 loại sản phẩm như: xoài, bưởi da xanh, dưa lưới, măng cầu ta (na), măng cầu thái (na Hoàng Hậu).

+ Hướng dẫn, hỗ trợ các vùng trồng, cơ sở đóng gói trái cây có nhu cầu xuất khẩu hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị Cục Bảo vệ thực vật cấp mã số xuất khẩu. Trong năm 2022, toàn tỉnh có 03 vùng trồng (sầu riêng, xoài thái, chuối) và 02 cơ sở đóng gói (chuối) được cấp mã số xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc và Hoa Kỳ; lũy kế đến nay trên địa bàn tỉnh có 14 vùng trồng và 03 cơ sở đóng gói đang được duy trì sử dụng mã số xuất khẩu.

+ Sử dụng thiết bị bay không người lái để phun thuốc BVTV trên cây lúa và một số cây trồng khác (bắp, mè, mía, cây ăn quả, ...) nhằm tăng cường việc áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất; hạn chế tối đa việc phải tiếp xúc trực tiếp với thuốc, tiết kiệm công lao động, có thể ứng dụng trên nhiều loại cây trồng và địa hình khác nhau.

+ Sử dụng hệ thống tưới nước tự động xoay tròn (tưới Pivot) áp dụng trên cây mía; hệ thống này được điều khiển từ xa có thể tưới được cùng lúc trên diện tích rộng nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí thuê nhân công.

+ Phát triển cơ giới hóa trên nhiều khâu chăm sóc với các loại máy: xới cỏ, tưới phun, tưới nhỏ giọt, hệ thống tưới nước và phân bón. Hệ thống nhà lưới, nhà màng kết hợp các kỹ thuật tưới tiết kiệm, cung cấp dinh dưỡng qua hệ thống tưới, điều tiết ẩm độ, ánh sáng cho gần 120 ha (dưa lưới 35 ha, hoa lan 85 ha); kỹ thuật tưới phun mưa, nhỏ giọt cho các loại cây trồng mía, mè, cây ăn quả với tổng diện tích đạt 114.560 ha.

+ Triển khai thực hiện các mô hình sản xuất nông hiện đại mang lại hiệu quả cao trên địa bàn giúp giảm thiểu những tổn hại cho môi trường như người sản xuất ít lạm dụng phân bón hóa học và thuốc BVTV, đồng thời tạo ra sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng, giúp nâng cao được giá trị sản phẩm, tạo thương hiệu, uy tín cho người sản xuất.

+ Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Đề án vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Tây Ninh và đang tham mưu UBND tỉnh sớm ban hành Đề án vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (CNC) huyện Tân Châu nhằm mời gọi doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đủ điều kiện đầu tư vào sản xuất nông nghiệp nhất là nông nghiệp ứng dụng CNC.

- *Lĩnh vực chăn nuôi*: ứng dụng CNC trong chăn nuôi góp phần tăng giá trị và thu nhập, ứng dụng công nghệ thông tin trong chăn nuôi với 08/128 trang trại heo, 04/35 cơ sở giết mổ tập trung sử dụng phần mềm TE-food để truy xuất nguồn gốc; một số trang trại đã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất để kiểm soát chất lượng, tạo ra các sản phẩm đạt tiêu chuẩn.

- *Lĩnh vực thủy lợi, nước sạch*: xây dựng, tích hợp cơ sở dữ liệu hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh - giai đoạn 1 nhằm xây dựng hệ thống quản lý thông tin hiện đại và đồng bộ, tạo liên kết chặt chẽ trong việc quản lý

vận hành, khai thác công trình thủy lợi và bảo vệ công trình phục vụ sản xuất. Ứng dụng phần mềm Citywork để quản lý khách hàng sử dụng nước sạch khu vực nông thôn, in hoá đơn thu tiền nước trên 69 công trình cấp nước tập trung.

- *Lĩnh vực lâm nghiệp*: ứng dụng Flycam, GIS, trong công tác quản lý, bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng cũng như phát triển rừng.

- *Lĩnh vực nông thôn mới, xúc tiến thương mại*: hỗ trợ hợp tác xã xúc tiến thương mại, phát triển sản phẩm nông nghiệp cụ thể như:

+ Phối hợp với Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn đăng ký lựa chọn 04 hợp tác xã nông nghiệp tham gia Chương trình hỗ trợ xây dựng mô hình hợp tác xã điển hình giai đoạn 2022 – 2025; hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp, trang trại nông nghiệp tham gia tập huấn ứng dụng chuyển đổi số trong nông nghiệp phần mềm nhật ký sản xuất FaceFarm và phần mềm kế toán hợp tác xã.

+ Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hợp tác xã (HTX), chủ thể OCOP tham gia gần 20 gian hàng tại các diễn đàn, hội chợ thương mại, thực hiện các phóng sự về sản phẩm OCOP; tổ chức lớp tập huấn chuyển đổi số trong sản xuất kinh doanh nông sản và sản phẩm OCOP; in sổ tay giới thiệu sản phẩm OCOP, triển khai thí điểm phần mềm OCOP để việc thông tin, quảng bá rộng rãi các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP của tỉnh.

+ Thực hiện Kế hoạch số 1239/KH-UBND ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh năm 2022, Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với Sở Công Thương cung cấp thông tin các loại nông sản, các sản phẩm từ chăn nuôi và danh sách các hộ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh có đủ điều kiện để đưa lên sàn thương mại điện tử.

+ Phối hợp VNPT Tây Ninh và các đơn vị có liên quan xây dựng thí điểm hệ thống phần mềm OCOP.

3.2. Về thực hiện các chính sách thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp

- Chính sách hỗ trợ lãi vay: tổ chức kiểm tra và chi tiền hỗ trợ dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt mức hỗ trợ lãi vay trong năm 2020, 2021 theo quy định: 11/13 dự án, đạt 84,6%; giải ngân kinh phí 2.416,4/3.000 triệu đồng, đạt 80,5% kinh phí giao. Lũy kế đến nay các chính sách đã thực hiện hỗ trợ được 20 dự án với kinh phí hỗ trợ 8.711,7 triệu đồng.

- Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất: phê duyệt mức hỗ trợ dự án liên kết sản xuất, xay xát và tiêu thụ lúa gạo chất lượng cao theo hướng VietGAP do Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Lúa Vàng Việt thực hiện với kinh phí 32,1 tỷ đồng.

- Chính sách hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt: hướng dẫn và theo dõi việc triển khai thực hiện của 19 cơ sở trồng trọt, chăn nuôi.

- Chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; giai đoạn 2020-2025.

- Chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước giai đoạn 2022-2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

4. Tồn tại, hạn chế

Quy mô sản xuất vẫn còn nhỏ lẻ, sự liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp, HTX và nông dân chưa cao; chưa có mô hình khuyến nông, các chương trình, dự án ứng dụng công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số, phát triển thương mại điện tử mang tính đột phá, thúc đẩy chuyển đổi số mạnh trong phát triển sản xuất nông nghiệp của tỉnh; thiếu hụt nguồn nhân lực ngành nông nghiệp, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao.

Chuyển đổi số trong nông nghiệp của tỉnh vẫn đang còn chậm, chủ yếu chuyển đổi số trong sản xuất như: phần mềm, tem truy xuất nguồn gốc, đăng ký thông tin vùng trồng... tuy nhiên số lượng và quy mô vẫn còn ở mức mô hình, nhỏ lẻ.

Phát triển vùng nguyên liệu quy mô lớn, theo tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt (GAP) còn hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng diện tích đất; đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp đòi hỏi vốn lớn, tiềm ẩn nhiều rủi ro do chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố thời tiết khí hậu, dịch bệnh, thị trường... nên chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông dân và doanh nghiệp chưa mạnh dạn đầu tư công nghệ, trang thiết bị, ứng dụng CNC.

II. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển nền nông nghiệp thông minh, hội nhập quốc tế, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới văn minh.

Chuyển đổi số trong các hoạt động của ngành Nông nghiệp, xây dựng mô hình chuyển đổi số nhằm đẩy mạnh thực hiện các chương trình trọng điểm của ngành nông nghiệp theo hướng cơ cấu lại và đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, góp phần thực hiện chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế. Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, ứng dụng và quản lý nông nghiệp dựa trên nền tảng công nghệ số tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh, quản lý giám sát nguồn gốc nông sản, chuỗi cung ứng sản phẩm, phát triển thương mại điện tử trong nông nghiệp đặc biệt các sản phẩm nông sản chủ lực, sản phẩm OCOP của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2025

a) Về phát triển Chính quyền số

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền của địa phương, tích hợp với hệ thống ở Trung ương.

- 100% hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.
- 95% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.
- 100% công tác báo cáo được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh được kết nối với hệ thống thông tin quốc gia.
- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật.
- 100% công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số; 70% cán bộ, công chức, viên chức tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu.
- 80% cơ sở dữ liệu về nông nghiệp được xây dựng, cập nhật trên nền tảng dữ liệu dùng chung và nền tảng dữ liệu của mở của tỉnh.
- 50% ứng dụng các thiết bị quan sát, giám sát sử dụng công nghệ số, bảo đảm thu nhận trực tiếp dữ liệu số, sử dụng công nghệ internet kết nối vạn vật (IoT) để tích hợp trên không và mặt đất phục vụ các hoạt động nông nghiệp.
- 70% công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và chuyên môn của Ngành hoàn toàn dựa trên phân tích, xử lý dữ liệu sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI); 80% công tác giám sát, dự báo, cảnh báo thị trường, quản lý quy hoạch trong nông nghiệp dựa trên phân tích, xử lý dữ liệu lớn theo thời gian thực, hỗ trợ ra quyết định chính xác, kịp thời, đúng quy định.
- 100% hệ thống thông tin được giám sát, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

b) Về phát triển kinh tế số

- Tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (UDCNC) đạt 40% trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp của tỉnh.
- Triển khai xây dựng tối thiểu 01 mô hình xã thông minh theo lĩnh vực nổi trội trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở để tổng kết và nhân ra diện rộng.

c) Về xã hội số:

Tổ chức tập huấn, tuyên truyền và đào tạo cho doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân ứng dụng công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp.

2.2. Mục tiêu đến năm 2030

a) Về phát triển Chính quyền số

Phấn đấu đạt 100% dịch vụ công trực tuyến được cá nhân, tổ chức thực hiện nộp, thanh toán và nhận kết quả trực tuyến trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; giảm thủ tục hành chính và tăng các dịch vụ tiện ích công nghệ số.

Duy trì 100% văn bản đi, đến, hồ sơ công việc của Sở đều được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật); các chỉ tiêu, báo cáo định kỳ; công khai minh bạch trên Cổng thông tin điện tử của Sở và của Tỉnh.

Phấn đấu 100% cơ sở dữ liệu về nông nghiệp được xây dựng, cập nhật trên nền tảng dữ liệu dùng chung và nền tảng dữ liệu mở của tỉnh; nâng cấp, mở rộng các tính năng của phần mềm dùng chung đáp ứng nhu cầu sử dụng và tra cứu thông tin phục vụ sản xuất nông nghiệp.

b) Về phát triển kinh tế số

Phấn đấu tối thiểu 01 xã/huyện cơ bản hoàn thành việc chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp.

100% các huyện, thị xã, thành phố ứng dụng phần mềm đánh giá sự hài lòng của người dân đối với Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

c) Về xã hội số

Phấn đấu 100% tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân ứng dụng công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp.

III. NHIỆM VỤ

1. Hoàn thiện Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số

Chuyển đổi nhận thức và phát triển nguồn nhân lực về chuyển đổi số, tăng cường công tác tuyên truyền về chuyển đổi số; tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, học tập kinh nghiệm về chuyển đổi số như:

- Tuyên truyền đến công chức, viên chức và người lao động qua ứng dụng Zalo, Facebook...; đồng thời, tuyên truyền nâng cao nhận thức đến các tổ chức, cá nhân, HTX để từng bước thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đảm bảo hiệu quả an toàn thông tin dữ liệu ngành Nông nghiệp.

- Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ mới thúc đẩy phát triển sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong cải cách hành chính; số hóa hồ sơ thủ tục hành chính; thường xuyên rà soát quy trình nội bộ, quy trình ISO, quy trình điện tử giải quyết các thủ tục hành chính; tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến qua nhiều hình thức đa dạng. Nâng cao hiệu quả, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Xây dựng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ về vốn, cơ sở hạ tầng, khuyến khích doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi phương thức sản xuất truyền thống sang ứng dụng công nghệ số trong các hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành công việc tại đơn vị, sử dụng dữ liệu số triệt để từng bước hướng tới nông nghiệp số phục vụ chính quyền điện tử.

Triển khai các nhiệm vụ thúc đẩy chuyển đổi số, xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu về nông nghiệp; phát triển nền tảng số nông nghiệp chia sẻ dữ liệu mở phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo và phục vụ nhu cầu khai thác của người dân.

2. Phát triển hạ tầng số

Ứng dụng có hiệu quả hệ thống phòng họp hội nghị trực tuyến.

Triển khai ứng dụng hạ tầng internet kết nối vạn vật (IoT) để thu thập dữ liệu về quan trắc môi trường, theo dõi diễn biến rừng, cảnh báo thời tiết....

3. Phát triển dữ liệu

Thu thập và số hoá cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ công tác quản lý điều hành và cung cấp thông tin cho người sản xuất, doanh nghiệp để dàng tiếp cận và khai thác như về thông tin sản xuất, mùa vụ, cơ cấu giống, cây trồng và vật nuôi, cơ cấu giống, thời điểm thu hoạch, năng suất, sản lượng, dịch hại,...

a) Trồng trọt và bảo vệ thực vật

Chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về trồng trọt và BVTV, dữ liệu hiện trạng vùng trồng trọt (lúa, hoa màu, cây công nghiệp, cây ăn quả,...), giá trị sản xuất ngành trồng trọt, kết quả sản xuất và hiệu quả sản xuất của các loại cây trồng chủ lực trong tỉnh, dữ liệu về các tổ chức, cá nhân kinh doanh vật tư nông nghiệp; truy xuất nguồn gốc: cây trồng, mã số vùng trồng; mã số cơ sở đóng gói; số hóa các quy trình nghiệp vụ và cung cấp dữ liệu số phục vụ người dân; dữ liệu về đối tượng sinh vật gây hại trên cây trồng (các phần mềm đã được xây dựng sẽ thực hiện tích hợp và kế thừa cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo vệ thực vật, mã số vùng trồng của trung ương).

Xây dựng và nhân rộng mô hình ứng dụng công nghệ số, công nghệ thông minh, tự động hóa, thiết bị máy bay không người lái, thiết bị cảm biến, trí tuệ nhân tạo, internet kết nối vạn vật (IoT),..... trong gieo trồng, chăm sóc và phòng trừ sinh vật gây hại, thu hoạch.

b) Chăn nuôi và thú y

Chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về chăn nuôi, thú y, gia súc, gia cầm, cơ sở giết mổ, kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, thủy sản; theo dõi tình hình chăn nuôi, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh; dữ liệu về tổng đàn, giống vật nuôi; quản lý thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi; số hóa quy trình, nghiệp vụ và cung cấp dữ liệu số phục vụ người dân.

Xây dựng và nhân rộng các mô hình chuyển đổi số trang trại thông minh, cơ sở giết mổ thông minh thông qua việc ứng dụng các công nghệ số hóa, thiết bị cảm biến, máy và thiết bị tự động hóa.

c) Lâm nghiệp

Dữ liệu về lâm nghiệp (thống kê các thông tin về lĩnh vực lâm nghiệp của tỉnh: thống kê rừng theo mục đích sử dụng, thống kê rừng theo đơn vị hành chính, thống kê tỷ lệ che phủ rừng, thông tin xử lý vi phạm,...); cơ sở nuôi động vật hoang

dã (bản đồ vị trí nuôi động vật hoang dã của tỉnh; quản lý danh sách cơ sở dưới dạng bảng biểu gồm các thông tin: mã cơ sở, tên cơ sở, số lượng cá thể).

Xây dựng dữ liệu và quản lý diện tích rừng, đất rừng, động vật rừng, lâm sản, giám sát tài nguyên đa dạng sinh học, môi trường rừng; ứng dụng công nghệ viễn thám, trí tuệ nhân tạo, thiết bị thông minh trong cập nhật diễn biến rừng, giám sát phòng và chữa cháy rừng, dự báo nguy cơ mất rừng và suy thoái rừng; nghiên cứu thực hiện truy xuất nguồn gốc giống và lâm sản, chuyển đổi số trong quản lý rừng trồng, phát triển kinh tế rừng và chế biến lâm sản.

d) Thủy lợi, phòng chống thiên tai

Chuyển đổi số trong công tác thủy lợi, phòng chống thiên tai đảm bảo chính xác, kịp thời, hiệu quả. Tiếp tục xây dựng, tích hợp cơ sở dữ liệu hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh - giai đoạn 2 (xây dựng hệ thống thông tin, dữ liệu và quản lý các công trình đê điều, thủy lợi và phòng chống thiên tai; hành lang bảo vệ các công trình về đê điều, thủy lợi); thông tin, dữ liệu về khí hậu và thủy văn, biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học; ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS để tích hợp dự báo mực nước tại hồ chứa, dự báo lũ, ngập lụt có nguy cơ xảy ra trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, tích hợp trạm quan trắc khí tượng, thủy văn, từng bước đầu tư trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng nhằm nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo phục vụ công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

đ) Phát triển nông thôn, nông thôn mới

Quản lý thông tin về lĩnh vực phát triển nông thôn: làng nghề, HTX, tổ hợp tác,...; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ số, công nghệ thông tin trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ, truy xuất nguồn gốc nông sản; UDCNC trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và công nghệ thông tin trong quản lý điều hành tại các HTX, tổ hợp tác, doanh nghiệp, nông hộ tại các làng nghề.

Xây dựng cơ sở dữ liệu về NTM theo tiêu chí quy định; xây dựng, phát triển phần mềm đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP; triển khai thí điểm mô hình làng/xã thông minh phục vụ phát triển kinh tế nông thôn gắn với giới thiệu, quảng bá hình ảnh xã NTM, xã NTM về thương mại điện tử, xã thông minh, sản phẩm đặc trưng của tỉnh.

e) Quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm

Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản, theo dõi các cơ sở sản xuất đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm, các cơ sở vi phạm,...

g) Lĩnh vực nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

Xây dựng cơ sở dữ liệu và bản đồ số hóa về các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn; thông tin sửa chữa, lắp đặt, thông tin đồng hồ từng cá nhân sử dụng; thanh toán điện tử.

h) Lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch

Quy hoạch, kế hoạch, đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp; theo dõi tiến độ triển khai thực hiện các vùng nông nghiệp công nghệ cao phục vụ công tác quản lý, báo cáo, chỉ đạo điều hành,...

i) Chuyển đổi số trên một số lĩnh vực khác

Thông tin quản lý các mô hình ứng dụng CNC, mô hình trình diễn trong hoạt động khuyến nông, ứng dụng đồng bộ công nghệ số, viễn thám và thiết bị giám sát mặt đất vào sản xuất; hệ thống quản lý công tác giải quyết thủ tục hành chính (quản lý tập trung, đồng bộ việc xử lý thủ tục hành chính; quản lý các thông tin liên quan đến thủ tục hành chính như: cấp giấy phép, biểu mẫu,...).

Phối hợp các sở, ban, ngành chia sẻ dữ liệu về quan trắc môi trường, đất đai, thổ nhưỡng, lượng mưa,...; thương mại điện tử; đô thị hóa nông thôn, giao thông; các đề tài ứng dụng khoa học trong sản xuất nông nghiệp, chuyển giao công nghệ.

Phát triển phần mềm, ứng dụng thiết bị di động thông minh giúp quản lý nông nghiệp số

4. Phát triển kinh tế số, xã hội số

Xây dựng và tổ chức triển khai nền tảng dữ liệu số nông nghiệp trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, HTX và doanh nghiệp nông nghiệp đóng vai trò nòng cốt và người nông dân tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ sản xuất nông nghiệp, tiêu thụ nông sản; kịp thời cung cấp thông tin, tư vấn, dự báo tình hình cho nông dân.

Xây dựng và tổ chức triển khai nền tảng số kết nối người nông dân với chuyên gia nông nghiệp để thu thập, dán nhãn dữ liệu theo hình thức đóng góp của cộng đồng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ phân tích, phát hiện sớm bệnh dịch cho cây trồng, vật nuôi để có phương án xử lý kịp thời.

Tiếp tục duy trì và phát triển cơ sở sản xuất nông sản trên nền tảng truy xuất nguồn gốc hiện có nhằm truy xuất nguồn gốc xuất xứ, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng của nông sản.

Tổ chức triển khai mô hình làng chuyển đổi số, xã chuyển đổi số, trong đó, nhiệm vụ trọng tâm là gắn kết phát triển thương mại điện tử với Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm.

Triển khai phổ cập kỹ năng số cho người nông dân theo hướng tuyên truyền, phổ biến qua phương tiện truyền thông cơ sở; qua hệ thống hội nông dân các cấp; tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, hỗ trợ nông dân chuyển đổi số trong quá trình tổ chức sản xuất nông nghiệp và tham gia vào phát triển kinh tế số, xã hội số; tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn kỹ năng số cho người nông dân thông qua các nền tảng số, đào tạo trực tuyến, liên tục phát triển kỹ năng và tri thức số cho người nông dân, ưu tiên nhóm kỹ năng về sử dụng, khai thác các sàn giao dịch điện tử, thanh toán điện tử, nhận biết, phòng ngừa lừa đảo trên mạng.

Cung cấp, chia sẻ, phổ biến triển khai các dịch vụ về nông nghiệp số cho người dân để chủ động trong sản xuất, kinh doanh; phát triển các giải pháp trên nền

tăng thiết bị thông minh tạo sự tương tác, rộng rãi trong các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp.

Tuyên truyền, hướng dẫn nâng cao nhận thức cho các tổ chức, doanh nghiệp trong việc ứng dụng công nghệ số trong hoạt động sản xuất kinh doanh; tham gia cung cấp dịch vụ số cho người dân thúc đẩy phát triển doanh nghiệp số, kinh tế số.

Thúc đẩy chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp, thay đổi quy trình sản xuất áp dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại; khuyến khích thúc đẩy các doanh nghiệp tham gia sàn thương mại điện tử; xây dựng các mô hình chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp (mô hình sản xuất nông nghiệp xanh, nông nghiệp thông minh; ứng dụng tự động hóa để phân tích, theo dõi dữ liệu theo thời gian thực, giảm chi phí sản xuất, đảm bảo an toàn thực phẩm,...).

5. Phát triển nguồn nhân lực

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sản xuất nông nghiệp nhất là nâng cao năng lực nghiên cứu và đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất.

IV. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kỹ năng số rộng rãi, qua nhiều kênh truyền thông, mà chủ yếu là hệ thống cổng thông tin điện tử và các trang tin điện tử của các đơn vị.

Khuyến khích việc tăng cường tương tác giữa công chức, viên chức và người lao động thuộc Bộ với người dân, doanh nghiệp sử dụng công nghệ số (thiết bị di động, các mạng xã hội, các kênh thông tin phi truyền thống khác).

Đẩy mạnh truyền thông về các hệ thống, ứng dụng của Bộ có đối tượng sử dụng là tổ chức, người dân, doanh nghiệp trên các phương tiện thông tin đại chúng, qua thư điện tử, ứng dụng di động trực tiếp đến người dùng.

Người đứng đầu tại mỗi đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp về chất lượng việc gắn nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin với mục tiêu chuyển đổi số, cải cách văn hóa, phương thức làm việc và các mối quan hệ từ môi trường truyền thống sang môi trường số an toàn, tích cực.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

Huy động sự tham gia của cộng đồng, cho phép các tổ chức, doanh nghiệp cùng khai thác hệ thống công nghệ thông tin, các nền tảng và cơ sở dữ liệu của Bộ phục vụ việc phát triển hệ sinh thái sản phẩm chính phủ điện tử, chính phủ số ứng dụng công nghệ mới.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học về công nghệ số có tiềm năng áp dụng trong triển khai chính phủ điện tử, chính phủ số (như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, di động, mạng xã hội, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối,...) có sự tham gia của các nhà khoa học, các tổ chức, viện nghiên cứu đầu ngành.

Tăng cường gắn kết, phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có chuyên môn về công nghệ thông tin, an toàn thông tin.

4. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng công nghệ cao

Đào tạo và bố trí sử dụng hợp lý cán bộ chuyên môn kỹ thuật, cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ và kinh nghiệm, nhất là mạng lưới khuyến nông viên cơ sở; gắn đào tạo nghề nông thôn với quy hoạch xây dựng NTM và phục vụ cơ cấu lại nông nghiệp.

Cần có chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; bên cạnh đó, đẩy mạnh các chương trình đào tạo, tập huấn chuyên sâu thông qua tổ chức học tập kinh nghiệm, hoạt động khuyến nông, bảo vệ thực vật nhằm đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ, thu hút nguồn lực lao động chất lượng cao trong lĩnh vực nông nghiệp.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Dự kiến tổng kinh phí thực hiện là 13.611.000.000 đồng (*không bao gồm vốn lồng ghép*), trong đó:

- Vốn sự nghiệp: 3.611.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư: 10.000.000.000 đồng.

Nguồn vốn: từ vốn thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số và lồng ghép các nguồn vốn hợp pháp khác.

Phụ lục I, II kèm theo.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN

Phụ lục III, IV kèm theo.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Sở

Chủ trì, tổ chức triển khai, theo dõi thực hiện Kế hoạch này, chịu trách nhiệm về mặt kỹ thuật, cơ sở hạ tầng, công nghệ đảm bảo việc triển khai các hệ thống tại Sở kết nối với hệ thống dùng chung của tỉnh.

Tuyên truyền, phổ biến, cập nhật các thông tin chủ trương, chính sách về chuyển đổi số trong chuyên mục chuyển đổi số trên Cổng Thông tin điện tử thành phần Sở.

Phối hợp các phòng, cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở thực hiện Kế hoạch này, thường xuyên kiểm tra, theo dõi việc triển khai thực hiện.

2. Phòng Kế hoạch, Tài chính

Tổ chức triển khai có hiệu quả các nội dung phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được cấp thẩm quyền ban hành nhất là Đề án vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Tây Ninh.

Hàng năm, tổng hợp dự toán kinh phí đề xuất từ các đơn vị để triển khai thực hiện kế hoạch.

3. Các phòng, cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao và trên cơ sở nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch, các đơn vị chủ động xây dựng các dự án, chương trình, kế hoạch,.... để thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý, điều hành hướng tới nông nghiệp số.

Căn cứ các nhiệm vụ tại Kế hoạch này, các phòng chuyên môn Sở, các đơn vị trực thuộc Sở quán triệt, xây dựng nội dung về chuyển đổi số trong hoạt động của các phòng, đơn vị.

Lập danh mục nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số cần ưu tiên triển khai hàng năm trong giai đoạn 2023 - 2025 và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; khuyến khích thực hiện các đề tài nghiên cứu, sáng kiến kinh nghiệm về chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Báo cáo kết quả tình hình thực hiện định kỳ theo quy định trước ngày **05/12** về Sở (*qua Văn phòng Sở*) để Sở kịp thời tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị Thủ trưởng các phòng, cơ quan đơn vị trực thuộc Sở nghiêm túc chỉ đạo thực hiện tốt việc triển khai các nội dung theo kế hoạch.

Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 2183/KH-SNN ngày 23/6/2021 triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số tỉnh Tây Ninh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số tỉnh Tây Ninh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 của Sở Nông nghiệp và PTNT./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, cơ quan đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP. Mai.

GIÁM ĐỐC